**Tiết 4: Toán:**

**Bài 14: SỐ THẬP PHÂN (tiếp theo)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Phân biệt khái niệm số thập phân (dạng phần trăm); biết đọc, viết số thập phân (dạng phần trăm).

- Thực hiện dược chuyên các phân số thập phân (dạng phần trăm) thành số thập phân (dạng phần trăm) và ngược lại.

- Sử dụng hình ảnh trực quan để biểu diễn số thập phân (dạng phần trăm).

- Phát triển năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc khuyến khích học sinh tự học tham gia các hoạt động nhóm và thảo luận, trình bày kết quả.

- Chăm chỉ trong tính toán và làm bài; trung thực trong đánh giá kết quả học tập cả bản thân, của bạn; có trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy tính, bài trình chiếu PPT.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Khởi động** **-** GV tổ chức trò chơi “Đố bạn”- GV phổ biến luật chơi: Bạn A viết một số thập phân bất kì, bạn B đọc số thập phân đó, sau đó đổi vai cùng thực hiện; nhận xét nhau và thống nhất kết quả.- GV nhận xét, tổng kết hoạt động.**2. Khám phá**- GV chiếu hình ảnh và yêu cầu HS thảo luận, nói cho bạn nghe những điều quan sát được từ bức tranh.GV đặt câu hỏi:*+ Tờ giấy được chia làm bao nhiêu phần bằng nhau?**+ Hãy viết phân số biểu thị phần tô màu của tờ giấy.**+ Mẫu số của phân số đó là bao nhiêu?**+ Hãy vận dụng kiến thức bài trước, dự đoán cách viết số thập phân.***-** GV hướng dẫn HS viết số thập phân: $\frac{1}{100}$+ Tương tự bài trước, số thập phân này có phần nguyên bằng mấy?+ Mẫu số của phân số có mấy chữ số 0?$\rightarrow $ Số thập phân đang viết sẽ có hai chữ số ở phần thập phân.+ Tử số của phân số đã cho là bao nhiêu?$\rightarrow $ Tử số chỉ có một chữ số 1 ta sẽ viết là 01- GV giới thiệu: * $\frac{1}{100}$ được viết thành 0,01
* 0,01 đọc là **không phẩy không một.**
* $0,01=\frac{1}{100}$
* 0,01 gọi là **số thập phân.**

*-* GV yêu cầu HS nhắc lại cách đọc và làm tương tự với phân số $\frac{23}{100}$.**3. Thực hành, luyện tập****Bài 1**- HS quan sát mẫu và nhận biết các bước làm, trình bày lời giải vào vở cá nhân.- GV lưu ý cho HS: *số chữ số ở phần thập phân của số thập phân tương ứng với số các chữ số không ở mẫu số của phân số thập phân.*- GV mời 1 HS trình bày kết quả. Cả lớp đối chiếu, nhận xét.- GV chữa bài, chốt đáp án .**Bài 2**- GV gọi Hs đọc yêu cầu- Yêu cầu học sinh hoàn thành bài - Gọi HS chữa bài và nói cho bạn nghe cách làm.- GV chữa bài, chốt đáp án đúng **4. Vận dụng****Bài 3**- GV cho HS làm việc nhóm 2+ Chuẩn bị: 2 tờ giấy ô vuông 100 ô, bút màu + Thực hiện tính toán số ô cần tô.- GV mời 1 nhóm trình bày kết quả. Cả lớp lắng nghe, bổ sung ý kiến cho bạn. - GV chữa bài, chốt đáp án đúng.GV hỏi: *Qua bài này, các em biết thêm được điều gì?*- GV dặn dò HS về nhà ôn về cách đọc, viết các số thập phân dạng phần trăm vừa được học. | - Hs tham gia chơi- HS lắng nghe.- HS chia sẻ về những gì quan sát được trong bức tranh.+ *100 phần bằng nhau.*+ *Phân số chỉ tờ giấy bạn nữ cầm:* $\frac{1}{100}$*Phân số chỉ tờ giấy bạn nam cầm:* $\frac{23}{100}$*.**+ Mẫu số bằng 100.**+ Dự đoán cách viết:*$\frac{1}{100}=0,01;\frac{23}{100}=0,23$- HS theo dõi, trả lời:+ Phần nguyên bằng 0.+ Có hai chữ số 0.+ Tử số bằng 1.- HS nhắc lại và trả lời:* $\frac{23}{100}$ được viết thành 0,23.
* 0,23 đọc là **không phẩy hai mươi ba.**
* $0,23=\frac{23}{100}$
* 0,23 gọi là **số thập phân.**

- HS theo dõi và ghi chép.- HS hoàn thành bài theo yêu cầu.- Kết quả:*a)* $\frac{38}{100}=0,38;\frac{91}{100}=0,91;$$\frac{55}{100}=0,55;\frac{6}{100}=0,06$*.**b)* $0,04=\frac{4}{100};0,62=\frac{62}{100};$$0,92=\frac{92}{100};0,7=\frac{7}{10}$*.*- Hs đọc yêu cầu- HS hoàn thành bài theo yêu cầu.- Kết quả:*A: 0,15**B: 0,28**C: 0,66**D: 0,83*- HS thảo luận nhóm và hoàn thành bài. - Kết quả:*Ta có:* $\frac{25}{100}=0,25;\frac{60}{100}=0,6$*Vậy tô màu vào 25 ô vuông nhỏ để biểu diễn các số thập phân 0,25.**Tô màu vào 60 ô vuông nhỏ để biểu diễn các số thập phân 0,6.*- Em biết đọc, viết số thập phân dạng phần trăm.- Em biết chuyển phân số thập phân thành số thập phân và ngược lại.- HS lắng nghe. |

**Tiết 1: Toán:**

**BÀI 15: SỐ THẬP PHÂN (tiếp theo)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết được khái niệm số thập phân (dạng phần nghìn); biết đọc, viết số thập phân (dạng phần nghìn).

- Thực hiện được chuyên các phân số thập phân thành số thập phân (dạng phần nghìn) và ngược lại.

- Làm quen với việc ghi số đo đại lượng (khối lượng) bằng việc sử dụng số thập phân.

- Phát triển năng lực toán học.

- Chăm chỉ trong tính toán và làm bài; trung thực trong đánh giá kết quả học tập cả bản thân, của bạn; có trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Chuẩn bị một số tình huống đơn giản dần tới khái niệm số thập phân (dạng phần nghìn).

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động** - GV tổ chức trò chơi “**Ở đây có bán trà sữa”** - GV tổ chức cho HS chơi trước lớp.- GV nhận xét, dẫn dắt vào bài mới**2. Khá phá**- GV chiếu hình ảnh và yêu cầu HS thảo luận, nói cho bạn nghe những điều quan sát được từ bức tranh.GV đặt câu hỏi:*+ Tờ giấy được chia làm bao nhiêu phần bằng nhau?**+ Hãy viết phân số biểu thị phần tô màu của tờ giấy.**+ Mẫu số của phân số đó là bao nhiêu?**+ Hãy vận dụng kiến thức bài trước, dự đoán cách viết số thập phân.***-** GV hướng dẫn HS viết số thập phân: $\frac{1}{1000}$+ Tương tự bài trước, số thập phân này có phần nguyên bằng mấy?+ Mẫu số của phân số có mấy chữ số 0?$\rightarrow $ Số thập phân đang viết sẽ có ba chữ số ở phần thập phân.+ Tử số của phân số đã cho là bao nhiêu?$\rightarrow $ Tử số chỉ có một chữ số 1 ta sẽ viết là1- GV giới thiệu: * $\frac{1}{1000}$ được viết thành 0,001
 | - GV tổ chức trò chơi “**Ở đây có bán trà sữa”** - GV tổ chức cho HS chơi trước lớp.- HS lắng nghe.- HS chia sẻ về những gì quan sát được trong bức tranh.+ *1000 phần bằng nhau.*+ *Phân số chỉ tờ giấy bạn nữ cầm:* $\frac{1}{1000}$*Phân số chỉ tờ giấy bạn nam cầm:* $\frac{249}{1000}$*.**+ Mẫu số bằng 1000.**+ Dự đoán cách viết:*$\frac{1}{1000}=0,001;\frac{249}{1000}=0,249$- HS theo dõi và ghi chép- HS theo dõi, trả lời:+ Phần nguyên bằng 0.+ Có ba chữ số 0.+ Tử số bằng 1. |
| * 0,001 đọc là **không phẩy không không một.**
* $0,001=\frac{1}{1000}$
* 0,001 gọi là **số thập phân.**

*-* GV yêu cầu HS nhắc lại cách đọc và làm tương tự với phân số $\frac{249}{1000}$.- GV chốt lại, giới thiệu cấu tạo của số thập phân: - GV khái quát lại**Chữ số thứ ba đứng sau dấu phẩy ở vị trí hàng phần nghìn.****3. Thực hành, luyện tập** **\* Bài 1:**- GV gọi HS đọc yêu cầu bài tập 1a. | - HS nhắc lại và trả lời:* $\frac{249}{1000}$ được viết thành 0,249.
* 0,249 đọc là **không phẩy hai trăm bốn mươi chín.**
* $0,249=\frac{249}{1000}$
* 0,249 gọi là **số thập phân.**

- HS theo dõi và ghi chép.- HS lắng nghe- HS đọc yêu cầu bài tập 1a. |
| - Gv yêu cầu HS xác định việc cần làm. | **- Đọc số thập phân** |
| - GV yêu cầu HS đọc theo cặp. | - HS đọc từng số thập phân.0,005: Không phẩy không không năm0,312: Không phẩy ba một hai0,308: Không phẩy ba không tám0,029: Không phẩy không hai chín0,071: Không phẩy không bảy một |
| - GV quan sát, nhận xét. |  |
| - GV gọi HS đọc yêu cầu bài tập 1b. | - HS đọc yêu cầu bài tập 1b. |
| - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân | - HS làm bài cá nhân vào vở nháp |
| - GV tổ chức cho HS chơi tiếp sức để chia sẻ kết quả. | - HS chia làm 2 đội, mỗi thành viên sẽ luân phiên chạy lên ghi kết quả vào chỗ trống theo kiểu tiếp sức.  |
| - GV khuyến khíchHS hỏi các hàng của phần nguyên, các hàng của phần thập phân bằng trò chơi ***“Bạn hỏi – Tôi trả lời”.*** | + Học sinh dưới lớp hỏi:+ HS trong đội chơi điền bài đó trả lời+… (*Cứ như vậy cho đến hết 4 câu)* |
| - GV nhận xét, bổ sung. |  |
| **\* Bài 2:**  |  |
| - GV gọi HS đọc yêu cầu bài tập 2.- GV hướng dẫn HS tiến hành các thao tác:+ Quan sát, phân tích mẫu: 3 HS đọc to mẫu.+ Nhận biết tử số và mẫu số của phân số thập phân; phần nguyên, phần thập phân của số thập phân:  | - Chuyển các phân số thập phân về dạng số thập phân (theo mẫu)- HS đọc: Mẫu: 6/1000 = 0,006- HS nêu: Tử số: 6; Mẫu số: 1000; STP 0,006 gồm 0 đơn vị và 6 phần nghìn. |
| + Viết phân số thập phân thành số thập phân. | - HS tự làm bài, sau đó đổi vở, chữa bài và nói cho bạn nghe cách làm và thống nhất kết quả theo nhóm đôi:  $\frac{9}{1 000}$ = 0,009 $\frac{24}{1 000}$ = 0,024  $\frac{391}{1 000}$ = 0,391 $\frac{550}{1 000}$ = 0,550 |
| - GV nhận xét kết quả bài làm của HS. |  |
| **\* Bài 3:** - GV gọi HS đọc yêu cầu bài tập 3.- GV hướng dẫn HS: | - Chuyển số thập phân về dạng phân số thập phân (theo mẫu)- HS thực hiện theo hướng dẫn: |
| + Quan sát, phân tích mẫu. | + HS đọc: Mẫu: 0,982 = $\frac{982}{1000}$ |
| + Nhận biết phần nguyên và phần thập phân của STP; tử số và mẫu số của phân số thập phân.  | + Số thập phân 0,982 gồm: 0 đơn vị; 9 phần mười; 8 phần trăm và 2 phần nghìn; PSTP có tử số là 982; mẫu số là 1 000. |
| + Viết số thập phân thành phân số thập phân.- GV tổ chức chữa bài, nhận xét kết quả bài làm của HS.**4. Vận dụng****\* Bài 4:** - GV gọi HS đọc yêu cầu.- GV yêu cầu HS thực hiện yêu cầu bài tập.- GV tổ chức cho HS chia sẻ trước lớp.- GV nhận xét nhận xét, tuyên dương. | - HS tự làm bài, sau đó đổi vở, chữa bài và nói cho bạn nghe cách làm và thống nhất kết quả theo nhóm đôi:  0,123 = $\frac{123}{1 000}$ 0,908 = $\frac{908}{1 000}$  0,77 = $\frac{77}{100}$ 0,008 = $\frac{8}{1 000}$- HS lắng nghe.- HS đọc yêu cầu.- HS tiến hành các thao tác+ Quan sát và đối chiếu với số liệu đã cho đề nhận biết về cân nặng của mỗi loại quả.+ Đọc số thập phân kèm tên đơn vị kg để có số đo cân nặng tương ứng.- HS chia sẻ trước lớp.- HS lắng nghe. |
| - GV hỏi: *Qua bài này, các cm biết thêm được điều gì?* - GV dặn dò HS về nhà chia sẻ với người thân về cách đọc, viết các dạng số thập phân vừa được học. | - Biết được khái niệm số thập phân (dạng phần nghìn); đọc, viết số thập phân (dạng phần nghìn)- HS lắng nghe và thực hiện. |

**Tiết 3: Toán:**

**BÀI 16: SỐ THẬP PHÂN (Tiếp theo) ( Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Củng cố và hoàn thiện các kỹ năng chuyển hỗn số thành số thập phân; kĩ năng đọc, viết số thập phân; Làm quen với việc sử dụng số thập phân trong đọc, viết các số đo đại lượng.

- Dùng thước thẳng đo được độ dài của một số đồ dùng học tập, ghi lại kết quả đo với đơn vị xăng-ti-mét.

- Chăm chỉ trong tính toán và làm bài; trung thực trong đánh giá kết quả học tập của bản thân, của bạn; có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, cẩn thận khi làm bài và yêu thích môn học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

-Ti vi, máy tính, bài trình chiếu PPT.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Khởi động**- GV tổ chức khởi động qua trò chơi “Ai nhanh hơn”. - Nhận xét, tuyên dương các bạn có câu trả lời đúng.- Qua trò chơi, các em được ôn tập nội dung gì ?- GVNX, giới thiệu bài.**2. Khám phá**a. - GV đưa hỗn số 1$\frac{3}{10}$ , yêu cầu HS thực hiện các thao tác: + Viết dưới dạng 1,3. GV hướng dẫn cách đọc: một phẩy ba.Và số 1,3 gọi là số thập phân. Giá trị của 1,3 = 1$\frac{3}{10}$ .Thực hiện tương tự với số thập phân 2,47.**b.** HS quan sát bảng và nhận biết cấu tạo (các thành phần) của số thập phân:- GV nhận xét, chốt KT.- Yêu cầu HS tự tìm một vài STP tương tự rồi nêu cách đọc, viết các STP đó.**3. Luyện tập - Thực hành****Bài 1**- HS đọc yêu cầu- GV cho HS thảo luận nhóm đôi, nói cho nhau nghe cách làm và trình bày vào vở cá nhân.- GV mời 1 HS trình bày kết quả. Cả lớp đối chiếu, nhận xét.- GV chữa bài, chốt đáp án.**Bài 2**- GV cho HS làm bài cá nhân vào vở ghi. - HS đổi vở, chữa bài và nói cho bạn nghe cách làm.- GV chữa bài, chốt đáp án đúng.**4. Vận dụng**- GV tổ chức cho HS nhắc lại cách đọc, cách viết số thập phân. Lấy ví dụ, thực hiện đọc, viết số đó.- Dặn dò HS | - HS tham gia trò chơi- HS chia sẻ.- HS ghi bài.- HS thực hiện theo hướng dẫn của GV.+ Số thập phân gồm có phần nguyên và phần thập phân.+ Dấu phẩy (ngăn cách hai phần).+ Các chữ số thuộc từng hàng tương ứng (mỗi chữ số thuộc một hàng).- HS lắng nghe- 1 Hs đọc yêu cầu của bài- HS hoàn thành bài theo yêu cầu.- Kết quả:*a)* $3\frac{7}{10}=3,7$*: ba phẩy bảy.*$5\frac{63}{100}=5,63$*: Năm phẩy sáu mươi ba.*$12\frac{378}{1000}=12,378$*: Mười hai phẩy ba trăm bảy mươi tám.**b) Số 3,7 có phần nguyên là chữ số 3 và phần thập phân là chữ số 7.**Số 5,63 có phần nguyên là chữ số 5 và có phần thập phân gồm các chữ số 6, 3.**Số 12,378 có phần nguyên gồm các chữ số 1,2 và phần thập phân gồm các chữ số 3, 7, 8.*- Hs nêu và xác định yêu cầu của bài- HS hoàn thành bài theo yêu cầu.- Kết quả:*a) 2,71: hai phẩy bảy mốt hay hai phẩy bảy mươi mốt.**34,206: ba tư phẩy hai không sáu hay ba mươi tư phẩy hai trăm linh sáu.**19,041: mười chín phẩy không bốn một hay mười chín phẩy không trăm bốn mươi mốt.**0,523: không phẩy năm hai ba hay không phẩy năm trăm hai mươi ba.**b) Ba phẩy không không tám: 3,008**Mười lăm phẩy sáu: 15,6**Bảy phẩy ba chín: 7,39**Hai trăm năm mươi sáu phẩy bảy mươi ba: 256,73**Năm phẩy ba trăm linh hai: 5,302**Mười phẩy không trăm tám mươi hai: 10,082*- HS nhắc lại-HS thực hiện theo hướng dẫn.- HS lắng nghe |

**Tiết 3: Toán:**

**BÀI 16: SỐ THẬP PHÂN (Tiếp theo) (Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Củng cố và hoàn thiện các kỹ năng chuyển hỗn số thành số thập phân; kĩ năng đọc, viết số thập phân;

- Dùng thước thẳng đo được độ dài của một số đồ dùng học tập, ghi lại kết quả đo với đơn vị xăng-ti-mét.

- Chăm chỉ trong tính toán và làm bài; trung thực trong đánh giá kết quả học tập của bản thân, của bạn; có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, cẩn thận khi làm bài và yêu thích môn học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Ti vi, máy tính, bài trình chiếu PPT.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động**- GV tổ chức khởi động qua trò chơi “Đố vui có thưởng”. - GV tổng kết và tuyên dương- GV dẫn dắt vào bài mới**2. Thực hành****Bài 3:**a, Yêu cầu Hs thực hiện đọc các nhận sau đó chia sẻ trước lớp.- GV cho HS làm bài cá nhân vào vở nháp ý b. - HS đổi vở, chữa bài và nói cho bạn nghe cách làm.- GV chữa bài, chốt đáp án đúng.*c)* - GV cho HS thảo luận nhóm đôi với bạn cùng bàn, nói cho nhau nghe đáp án.- GV mời 1 nhóm trình bày bài.- GV nhận xét, chốt đáp án**Bài 4:** - GV cho HS thảo luận nhóm đôi, quan sát hình và nói cho nhau nghe kết quả, sau đó trình bày vào vở cá nhân.- GV mời 2 HS đứng tại chỗ trình bày đáp án.- GV chữa bài, chốt đáp án đúng.**3. Vận dụng****Bài 5:****-** Gọi HS đọc và xác định yêu cầu.- Yêu cầu HS hoạt động theo nhóm 4: Dùng thước thẳng đo độ dài của 1 số đồ dùng học tập. Ghi lại kết quả đo với đơn vị là cm.- GV theo dõi, giúp đỡ nhóm còn lúng túng.- Nhận xét, tuyên dương nhóm làm việc tốt. | - HS tham gia trò chơi- HS lắng nghe - Hs đọc yêu cầu- HS hoàn thành bài theo yêu cầu.- Kết quả:*a) 0,9: Không đơn vị, chín phần mười.**4,72: Bốn đơn vị, bảy mươi hai phần trăm.**2,803: Hai đơn vị, tám trăm linh ba phần nghìn.**27,055: Hai mươi bảy đơn vị, năm mươi lăm phần nghìn.**b) Bốn đơn vị, năm phần mười: 4,5**Không đơn vị, hai mươi lăm phần nghìn: 0,025**Ba mươi hai đơn vị, tám mươi bảy phần trăm: 32,87**Bảy nghìn không trăm linh ba đơn vị, bốn phần trăm:3 003,04**c)* - HS hoàn thành bài theo yêu cầu.***0,9:****Chữ số 0 thuộc hàng đơn vị, chữ số 9 thuộc hàng phần mười****4,72:****Chữ số 4 thuộc hàng đơn vị, chữ số 7 thuộc hàng phần mười, chữ số 2 thuộc hàng phần trăm****2,803:****Chữ số 2 thuộc hàng đơn vị, chữ số 8 thuộc hàng phần mười, chữ số 0 thuộc hàng phần trăm, chữ số 3 thuộc hàng phần nghìn.****27,055:****Chữ số 2 thuộc hàng chục, chữ số 7 thuộc hàng đơn vị, chữ số 0 thuộc hàng phần mười, chữ số 5 thuộc hàng phần trăm, chữ số 5 thuộc hàng phần nghìn.*- Hs thực hiện theo hướng dẫn.- Kết quả:*Chiếc bút màu dài 7,5cm.**Quả dứa cân nặng 1,3kg*- HS nêu yêu cầu- HS thực hành đo.- Đại diện một số nhóm chia sẻ.- HS lắng nghe, ghi nhớ. |

**Tiết 1: Toán:**

**BÀI 17: SỐ THẬP PHÂN BẰNG NHAU**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Học sinh nhận biết được khi viết thêm chữ số 0 vào bên phải phần thập phân hoặc bỏ chữ số 0 (nếu có) ở tận cùng bên phải của số thập phân thì giá trị của số thập phân không thay đổi.

- HS làm được các bài tập liên quan đến việc nhận diện hai số thập phân bằng nhau.

- Chăm chỉ trong tính toán và làm bài; trung thực trong đánh giá kết quả học tập của bản thân, của bạn; có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, cẩn thận khi làm bài và yêu thích môn học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Ti vi, máy tính, bài trình chiếu PPT.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động**- GV tổ chức trò chơi: Cuộc Phiêu Lưu Của Jack để khởi động bài học- GVNX, giới thiệu bài.**2. Khám phá**- GV chiếu hình ảnh và yêu cầu HS thảo luận, nói cho bạn nghe những điều quan sát được từ bức tranh.GV đặt câu hỏi:+ *Phân số chỉ phần đã tô màu của băng giấy bạn gái cầm là gì? Viết số thập phân tương ứng.**+ Phân số chỉ phần đã tô màu của băng giấy bạn trai cầm là gì? Viết số thập phân tương ứng.**+ Hai phần được tô màu của băng giấy có bằng nhau không?* - GV giới thiệu: Phần tô màu của hai hình bằng nhau nên ta có: 0,5 = 0,50Ta nói: 0,5 và 0,50 là hai số thập phân bằng nhau.*-* GV giúp HS rút ra nhận xét:*+ Nếu viết thêm chữ số 0 vào bên phải phần thập phân, ta được gì?*- GV khái quát lại nội dung ghi nhớ SGK và nêu ví dụ minh họa.+ *Mỗi số tự nhiên có thể viết thành một số thập phân không?***-** GV cho HS nhắc lại.**3. Luyện tập****Bài 1**- GV cho HS đọc yêu cầu, làm bài vào vở nháp cá nhân.- GV mời 1 HS trình bày kết quả. Cả lớp đối chiếu, nhận xét.- GV chữa bài, chốt đáp án.**Bài** - GV cho HS xác định yêu cầu, làm bài cá nhân vào vở ghi. - HS đổi vở, chữa bài và nói cho bạn nghe cách làm.- GV chữa bài, chốt đáp án đúng.**Bài 3**- GV cho HS đọc yêu cầu, suy nghĩ cá nhân, trả lời miệng đáp án**Bài 4**- GV cho HS đọc yêu cầu, thảo luận nhóm 4, nói cho nhau nghe cách làm và trình bày vào vở cá nhân.- GV mời 1 – 2 nhóm đứng tại chỗ trình bày đáp án.- GV chữa bài, chốt đáp án đúng.**4. Vận dụng****Bài 5.**– Gọi HS nêu yêu cầu đề bài.=> Củng cố về STP bằng nhau.- Tiết học vừa rồi chúng ta đã ôn những nội dung gì? - Nhận xét tiết học. | - HS tham gia chơi- HS ghi bài.- HS quan sát tranh- HS chia sẻ về những gì quan sát được trong bức tranh.*+ Phân số chỉ băng giấy bạn gái cầm là:* $\frac{5}{10}$*.* *Số thập phân tương ứng:* $\frac{5}{10}=0,5$*.**+ Phân số chỉ băng giấy bạn trai cầm là:* $\frac{50}{100}$*.* *Số thập phân tương ứng:* $\frac{50}{100}=0,50$*.**+ Có*- HS trả lời:+ *Nếu viết thêm chữ số 0 vào bên phải phần thập phân của một số thập phân thì được một số thập phân bằng nó.*- Hs lắng nghe*+ Mỗi số tự nhiên có thể viết thành một số thập phân mà phần thập phân là những chữ số 0.*- HS nhắc lại .- HS hoàn thành bài theo yêu cầu.- Kết quả:*a) 3,100 = 3,1**b) 6,080 = 6,08*- HS hoàn thành bài theo yêu cầu.- Kết quả:*a) 0,3 = 0,30**0,70 = 0,7**0,060 = 0,06**7,2 = 7,200**b) 0,200 = 0,20 = 0,2**0,9 = 0,90 = 0,900**6,10 = 6,1 = 6,100**0,080 = 0,08 = 0,0800*- HS hoàn thành bài theo yêu cầu.- Kết quả:*Các câu đúng là: a, b, d.*- HS hoàn thành bài theo yêu cầu.- Kết quả:*Hình trên có 100 ô vuông, đã tô màu 50 ô vuông.**Vậy phân số chỉ phần đã tô màu là:*$\frac{50}{100}=\frac{5}{10}=\frac{1}{2}$ *hình.**Mà* $\frac{50}{100}=0,50=0,5$*Vậy những bạn nói đúng là Hoa, Linh, Đan.*- HS đọc yêu cầu rồi so sánh các số thập phân 0,80 và 0,8. Ta có: 0,80 = 0,8.*Trà lời:* Lân nói sai.- HS chia sẻ.- Hs lắng nghe. |

**Tiết 4: Toán:**

**BÀI 18: SO SÁNH CÁC SỐ THẬP PHÂN (Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Biết cách so sánh hai số thập phân và biết sắp xếp các số thập phân theo thứ

tự từ bé đến lớn (hoặc ngược lại).

- Thực hành sử dụng số thập phân trong đọc, viết các số đo đại lượng.

- HS làm được các bài tập liên quan đến việc so sánh STP.

- Chăm chỉ trong tính toán và làm bài; trung thực trong đánh giá kết quả học tập của bản thân, của bạn; có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, cẩn thận khi làm bài và yêu thích môn học.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

-Ti vi, máy tính, bài trình chiếu PPT.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động**- GV tổ chức trò chơi: Rung chuông vàng để khởi động bài học- GV dẫn dắt, giới thiệu bài.**2. Khám phá**- GV chiếu hình ảnh *-* GV đặt câu hỏi: “*Nước nào có số tuổi thọ trung bình lớn nhất?”***\*. So sánh 7,3 và 6,5**- GV HD HS thực hiện lần lượt các thao tác:+ Phân tích cấu tạo số 7,3 và 6,5 (nhận biết phần nguyên và phần thập phân của từng số). HS hoàn thành bảng như trong SGK.+ HS nhận biết: Đây là hai số thập phân có phần nguyên khác nhau, và 7 > 6 nên 7,3 > 6,5.- GV hướng dẫn HS cách so sánh hai số thập phân theo bảng phân tích số; gợi ý cho 1 HS nêu kết luận **\*. So sánh 5,329 và 5,371**- Đây là hai số thập phân có phần nguyên bằng nhau.- Yêu cầu HS lần lượt so sánh từng cặp chữ số ở phần thập phân trên cùng một hàng (kể từ trái qua phải), cho đến khi xuất hiện cặp chữ số đầu tiên khác nhau. - GV gợi ý cho HS nêu kết luận và viết (hoặc chiếu) lên bảng:=> GV chốt lại cách so sánh hai số thập phân**3. Thực hành****Bài 1**- GV cho HS thảo luận nhóm đôi, nói cho nhau nghe cách làm và trình bày vào vở cá nhân.- GV mời 1 HS trình bày kết quả, khuyến khích HS giải thích.- GV chữa bài, chốt đáp án.**Bài 2**- GV cho HS thảo luận nhóm đôi, nhận biết việc cần làm.- GV cho HS làm bài cá nhân vào vở ghi. - HS đổi vở, chữa bài và nói cho bạn nghe cách làm.- GV chữa bài, chốt đáp án đúng.**4. Vận dụng**- Gv cho HS nhắc lại cách so sánh các số thập phân.- GV nhận xét, tuyên dương | - HS tham gia chơi- HS lắng nghe- Hs xem hình ảnh- Hs trả lời- HS hoàn thành bảng.- HS nêu: Nếu phần nguyên của hai số thập phân mà khác nhau thì số thập phân nào có phần nguyên lớn hơn sẽ lớn hơn.- HS thực hiện: 3 = 3; 2 <7.Kết luận 5,329 < 5,371 hay 5,371 > 5.329.- Nếu phần nguyên của hai số thập phân mà bằng nhau, thì thực hiện các thao tác sau:+ So sánh lần lượt từng cặp chữ số ở phần thập phân trên cùng một hàng (kể từ trái qua phải), cho đến khi xuất hiện cặp chữ số đầu tiên khác nhau.+ Ở cặp chữ số khác nhau đó, chữ số nào lớn hơn thì số thập phân chứa chữ số đó lớn hơn.- Nếu hai số thập phân có cả phần nguyên và phần thập phân đều bằng nhau thì hai số đó bằng nhau.- HS lắng nghe- HS hoàn thành bài theo yêu cầu.- Kết quả:*7,62 < 9,4 50,001 < 50,01**9,9 < 8,95 17,183 > 17,09**17,004 > 16,9 29,5 = 29,50**7 > 6,99**0,89 < 1,5**0,00041 < 0,0005*- HS thảo luận, nhận biết việc cần thực hiện.*+ So sánh các số.*$\rightarrow $ *Sắp xếp các số theo thứ tự từ bé đến lớn (lớn đến bé)*$\rightarrow $ *Tìm số lớn nhất, số bé nhất.*- HS hoàn thành bài theo yêu cầu.- Kết quả:*a) Số bé nhất là: 2,061* *Số lớn nhất là: 20,61**b) Các số thập phân theo thứ tự từ lớn đến bé là: 22,68; 22,86; 23,01; 23,853.*- HS nhắc lại- HS lắng nghe |

**Buổi chiều**

**Tiết 1: Toán:**

**BÀI 18: SO SÁNH CÁC SỐ THẬP PHÂN (Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Thực hành so sánh hai số thập phân và biết sắp xếp các số thập phân theo thứ tự từ bé đến lớn (hoặc ngược lại).

- Vận dụng vào giải các bài toán thực tế

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học,...

- Chăm chỉ trong tính toán và làm bài; trung thực trong đánh giá kết quả học tập của bản thân, của bạn; có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, cẩn thận khi làm bài và yêu thích môn học.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

-Ti vi, máy tính, bài trình chiếu PPT.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động**- GV tổ chức trò chơi “Chim về tổ”- GV nhận xét, dẫn dắt vào bài mới**2. Luyện tập****Bài 3:** - Gọi Hs đọc và xác định yêu cầu.a. Phân tích và so sánh cấu tạo của mỗi số thập phân đã cho.Nhận biết: Nếu 5,6?4 < 5,614 thì ? < 1, vậy ? = 0. số phải tìm là: 5,604.- HS tự làm phần b, c.- GV chấm bài, nhận xét.=> Chốt cách tìm chữ số thích hợp để áp dụng vào dạng bài so sánh hai STP.**Bài 4.** - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu.- Yêu cầu HS thảo luận nhóm 2 để tìm câu trả lời.- Gv nhận xét chung. Tuyên dương HS làm bài tốt.**Bài 5.** - GV HDHS thực hiện thao tác so sánh các so thập phân:Ta có: 18,40 < 18,48 và 18,48 < 18,58 nên 18,40 < 18.48 < 18,58.*Trả lời:* Châu là người về đích đầu tiên.**3. Vận dụng****Bài 6:**a, HS hỏi và ghi chép chiều cao của mọi người trong gia đình.b, HS so sánh các số đo chiều cao vừa ghi được rồi viết tên các thành viên trong gia đình theo thứ tự từ người thấp nhất đến người cao nhất.- Qua bài này, các em biết thêm được điều gì? Về nhà, các em ôn lại cách so sánh, sắp xếp các số thập phân vừa được học. | - Hs tham gia chơi- Hs lắng nghe - HS đọc và xác định yêu cầu.- HS tự làm bài cá nhân.- 1 HS lên bảng làm bài.- HS khác chữa bài, nhận xét.0,9 < 1 <1,2.84,97 < 85 < 85,14.- HS đọc và xác định yêu cầu.- HS quan sát hình vẽ để nhận biết con đường màu xanh dài 0,8 km; đường màu đỏ dài 0,74 km. Có 0,74 < 0,8. *Trả lời:* Nguyên nên chọn con đường tô màu đỏ.- HS trả lời trước lớp.- HS khác nhận xét.- HS tự thực hiện.- HS trả lời. |